TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2022/HN-ST
Ngày: 06/6/2022.
V/v "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình.**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Dương Văn Siêng.**

Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hoa.**

- Thư ký phiên tòa*:* Bà **Phan Thị Ngọc Ngân –** Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây gia phiên toà: Ông **Nguyễn Văn Qúi** – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 06 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2022 về tranh chấp "*Xin ly hôn*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2022/QĐST-HN ngày 23/5/2022, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn**: Cổ Thị Cẩm T,** sinh năm 1996.

HKTT: ấp Bình Hưng, xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

Tạm trú: khu phố 2, thị trấn Vàm Láng, huyện Gò Công Đông, Tiền Giang.

+ Bị đơn: **Nguyễn Minh P,** sinh năm 1997.

Địa chỉ: ấp Bình Hưng, xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

+ Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Trần Thị Kim P, Văn phòng Luật sư Vinh Phú thuộc đoàn Luật sư tỉnh Tiền Giang.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải chị T trình bày:

Chị và anh P do quen biết tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn được Uỷ ban nhân dân xã Thành Công cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 29/8/2019. Trong thời gian chung sống từ tháng 8/2019 đến tháng 10/2019 thì vợ chồng không còn hạnh phúc do gia đình chồng và chồng cư xử tệ và thiếu tôn trọng

chị và gia đình chị nên anh chị đã ly thân hơn một năm nay. Nay, chị yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về cong chung: Anh chị có một con chung tên Nguyễn Tú V, sinh ngày 07/4/2020 hiện đang sống với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung: Các nữ trang mà anh P trình bày là có. Đối với nữ trang ngày cưới hiện chị đã bán để nuôi con chỉ còn 10 chỉ vàng 24k do vợ chồng tạo lập, chị đồng ý chia số vàng này.

Về nợ chung: Không có.

* Tại bản tự khai, biên bản hòa giải anh P trình bày: Anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh đồng ý giao con chung tên Nguyễn Tú V, sinh ngày 07/4/2020 cho chị T nuôi dưỡng. Anh cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng cho đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung: Nữ trang ngày cưới gồm: 01 sợ dây chuyền 05 chỉ vàng 24k, 01 đôi bông tay 01 chỉ 24k, 01 chiếc lắc 05 chỉ 24k, 01 chiếc vòng 1,1chir 18k và 01 đôi bông hột bẹt 0,3 chỉ 18k. Ngoài ra, nữ trang do vợ chồng tạo lập 01 chiếc vòng 10 chỉ 24k, tất cả nữ trang do chị T đang quản lý. Nay, anh chỉ yêu cầu chia đôi 10 chỉ vàng 24k do vợ chồng tạo lập, còn nữ trang ngày cưới anh không tranh chấp.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 26/4/2022, anh P có đơn yêu cầu ly hôn với chị T. Về con chung: Anh đồng ý giao con chung tên Nguyễn Tú V cho chị T nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Anh yêu cầu chia đôi toàn bộ số nữ trang nêu trên gồm 21 chỉ vàng 24k và 1,4 chỉ vàng 18k.

Ngày 23/5/2022, anh P có đơn xin rút một phần đối với yêu cầu chia tài sản. Anh yêu cầu chia đôi 10 chỉ vàng 24k, hiện do chị T cất giữ, anh yêu cầu chị T giao lại cho anh 05 chỉ vàng 24k.

**** Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát***:

Về việc tuân theo pháp luật: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ kiện: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P với chị T. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Tú V, sinh ngày 07/4/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng đến khai cháu 18 tuổi, lao động được. Về tài sản chung: Buộc chị T có nghĩa vụ giao lại cho anh Phát 05 chỉ vàng 24k ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng và quan hệ tranh chấp: Chị Cổ Thị Cẩm T và anh Nguyễn Minh P tự nguyện tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Thành Công, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 29 ngày 29/8/2019 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 23/5/2022, bị đơn anh Nguyễn Minh P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh P.

Ngày 26/5/2022, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh P Luật sư Trần Thị Kim P có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị P.

Ngày 27/01/2022, Tòa án thụ lý đơn xin ly hôn của chị Cổ Thị Cẩm T, Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị T đến dự phiên tòa ngày 23/5/2022 và ngày 06/6/2022 nhưng chị vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T, thay đổi địa vị tố tụng anh P trở thành nguyên đơn, chị T trở thành bị đơn trong vụ kiện theo quy định tại Điều 245 Bộ luật tố tụng dân sự và xét xử vắng mặt đối với chị T.

[2] Về nội dung:

Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị T.

Anh P yêu cầu xin ly hôn với chị T nguyên nhân do chị T từ khi sinh con thì chị cùng con về nhà cha mẹ ruột sống, thỉnh thoảng về nhà anh năm ba ngày, anh và cha mẹ anh đến thăm và rước về nhưng chị T không chịu về, từ đó anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân và không có biện pháp hàn gắn tình cảm.

Xét thấy mâu thuẫn giữa anh chị là có xảy ra bởi lẽ theo đơn xin ly hôn của chị T ngày 24/11/2021 thì chị T cho rằng trong thời gian vợ chồng không chung sống nhau, anh P không đến thăm con, không cấp dưỡng nuôi con, anh P và gia đình anh cư xử tệ, thiếu tôn trọng chị và gia đình chị nên chị xin ly hôn với anh P. Tòa án đưa vụ kiện ra xét xử, triệu tập chị đến dự phiên tòa nhưng chị vắng mặt không có lý do nên đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P là có cơ sở phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có một con chung tên Nguyễn Tú V, sinh ngày 07/4/2020 hiện đang sống với chị T. Ly hôn, anh P đồng ý giao cháu V cho chị T nuôi dưỡng. Xét yêu cầu tự nguyện của anh P có cơ sở bởi cháu V đang sống với chị T đã ổn định về tâm lý cũng như chỗ ở nên cần tiếp tục giáo cháu V cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của anh P cấp dưỡng nuôi cháu V mỗi tháng 1.000.000đồng kể từ ngày 27/5/2022 cho đến khi cháu trưởng thành phù hợp với Điều 110 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung: Anh P yêu cầu chia đôi 10 chỉ vàng 24k hiện do chị T đang quản lý. Xét yêu cầu của anh P là có cơ sở, bởi lẽ tại biên bản hòa giải ngày 17/3/2022, chị T cũng thừa nhận chị đang quản lý 10 chỉ vàng 24k, chị cũng đồng ý chia đôi. Do đó, Hội đồng xét xử cần chia đôi cho anh Ph, chị T mỗi người 05 chỉ vàng 24k là phù hợp với Điều 33, 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Ngày 23/5/2022, anh P có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về tài sản chung, đây là sự tự nguyện của đương sự được Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ theo quy định tại Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xét lời phát biểu đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh P, chị T phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Lấy giá vàng 24k tại thời điểm xét xử là 5.300.000đồng/chỉ để tính án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 33, 38, 59, 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 245, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: ***Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Minh P***

- Đình chỉ toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của chị Cổ Thị Cẩm T.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Minh P được ly hôn với chị Cổ Thị Cẩm T.

- Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tú V, sinh ngày 07/4/2020 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng (Một triệu đồng) kể từ ngày 27/5/2022 cho đến khi cháu trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về tài sản chung:

+ Chia cho chị T 05 (năm) chỉ vàng 24k (do chị đang quản lý)

+ Chia cho anh P 05 (năm) chỉ vàng 24k.

Chị Tú có nghĩa vụ giao cho anh P 05 (năm) chỉ vàng 24k, khi án có hiệu lực pháp luật.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí HNST:

+ Anh P phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, 300.000đồng án phí cấp dưỡng nuôi con và 1.325.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 0006158 ngày 26/4/2022 và 1.505.000đồng theo biên lai số 0006132 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, anh P còn phải nộp số tiền 120.000đồng.

+ Chị T phải chịu số tiền 1.325.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai số 0005945 ngày 27/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, chị T còn phải nộp số tiền 1.025.000đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh P, chị T kháng cáo kể từ ngày Tòa án tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện GCT;
- C.c. THADS huyện GCT ;
- Đương sự;
- UBND xã Thành Công;
- Lưu hồ sơ.